

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy  
tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-DHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-DHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Đại học, ĐHQG-HCM,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy tại ĐHQG-HCM.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đại học, Trưởng các ban chúc năng khác có liên quan, Thủ trưởng các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, Ban DH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hải Quân

## **QUY ĐỊNH**

### **Về đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .1495./QĐ-DHQG ngày 23 tháng 9 năm 2019  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về đào tạo song ngành trình độ đại học hệ chính quy tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là DHQG-HCM) bao gồm: mục tiêu, nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo; điều kiện, hồ sơ, thẩm quyền quyết định đào tạo; tổ chức đào tạo, điều kiện xét tốt nghiệp và cấp bằng; chế độ báo cáo, lưu trữ; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, khoa, phân hiệu trực thuộc được DHQG-HCM giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học (gọi chung là cơ sở đào tạo).

3. Quy định này không áp dụng đối với chương trình đào tạo trình độ đại học liên kết trong nước và nước ngoài.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đào tạo song ngành là phương thức tổ chức học cùng lúc hai chương trình đào tạo.

2. Chương trình đào tạo ngành thứ nhất: là chương trình đào tạo mà sinh viên trúng tuyển và nhập học theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

3. Chương trình đào tạo ngành thứ hai: là chương trình đào tạo sinh viên có nhu cầu, đảm bảo các điều kiện đăng ký và được CSĐT xét tuyển theo quy định đào tạo song ngành.

4. Người đứng đầu cơ sở đào tạo (viết tắt là CSĐT) là Hiệu trưởng, Trưởng khoa và Giám đốc Phân hiệu trực thuộc DHQG-HCM gọi chung là thủ trưởng.

### **Điều 3. Mục tiêu**

1. Tăng cường liên thông, liên kết, tận dụng thế mạnh liên ngành trong đào tạo đại học tại mỗi CSĐT và giữa các CSĐT của DHQG-HCM.

2. Mở rộng, nâng cao hiệu quả tổ chức triển khai phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ nhằm mục tiêu đa dạng hóa các hình thức đào tạo, giúp người học

có nhiều lựa chọn và nâng cao kiến thức, kỹ năng, thái độ về liên ngành đáp ứng nhu cầu của xã hội.

## Chương II

### NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH

#### Điều 4. Nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo song ngành

1. Nội dung chương trình:
  - a) Chương trình đào tạo song ngành là sự kết hợp giữa hai chương trình đào tạo thuộc hai ngành đào tạo khác nhau;
  - b) Chương trình đào tạo song ngành phải bảo đảm chuẩn đầu ra của người học sau khi tốt nghiệp của hai chương trình đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.
2. Cấu trúc chương trình: chương trình đào tạo song ngành được cấu trúc từ các thành phần cụ thể như sau:
  - a) Chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức theo quy định;
  - b) Chương trình đào tạo ngành thứ hai có khối lượng kiến thức tối thiểu là 30 tín chỉ, tối đa là 80 tín chỉ và tổng khối lượng kiến thức (bao gồm các tín chỉ trùng nhau và được công nhận tương đương giữa hai chương trình) phù hợp với quy định hiện hành;
  - c) Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các CSĐT phải đảm bảo kết quả đổi sánh chuẩn đầu ra môn học/nhóm môn học, chương trình đào tạo hoặc được thực hiện dựa trên văn bản thỏa thuận của thủ trưởng các CSĐT;
  - d) Khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức bổ trợ, thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp có thể được các CSĐT xem xét công nhận chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo.
3. Thời gian thiết kế của chương trình đào tạo được quy định tại Quy chế đào tạo đại học hiện hành của ĐHQG-HCM.

#### Điều 5. Chỉ tiêu đào tạo

Chỉ tiêu đào tạo dựa trên chỉ tiêu đại học chính quy hoặc chỉ tiêu văn bằng hai chính quy hàng năm của CSĐT được ĐHQG-HCM xác định theo quy định hiện hành.

## Chương III

### ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH

#### Điều 6. Điều kiện đăng ký học song ngành

1. Sinh viên đăng ký học song ngành là sinh viên đang học đại học hệ chính quy tập trung của ĐHQG-HCM.
2. Chương trình đào tạo ngành thứ hai phải khác chương trình đào tạo ngành thứ nhất.

3. Đã hoàn thành năm học đầu tiên của chương trình đào tạo ngành thứ nhất và sinh viên thuộc diện xếp loại học lực trung bình khá trở lên.

#### **Điều 7. Đăng ký, phê duyệt hồ sơ đào tạo song ngành**

1. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Tờ trình đăng ký đào tạo song ngành (Phụ lục I);

b) Chương trình đào tạo song ngành: xây dựng theo mẫu quy định (Phụ lục II), được thủ trưởng CSĐT thống nhất và xác nhận trong hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành.

2. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành

a) Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành giữa các CSĐT;

b) Thủ trưởng CSĐT phê duyệt về nội dung và phương thức tổ chức đào tạo song ngành trong cùng một CSĐT.

3. Quy trình phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành

a) CSĐT có hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHQG-HCM theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều này gửi 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về ĐHQG-HCM đề nghị phê duyệt hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành;

b) Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ĐHQG-HCM thẩm định hồ sơ. Căn cứ trên hồ sơ hoàn thiện của CSĐT đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, ĐHQG-HCM có văn bản phê duyệt hồ sơ theo quy định.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG**

##### **Điều 8. Tổ chức đào tạo**

1. Sinh viên học song ngành theo thời gian tổ chức giảng dạy đại học hệ chính quy tập trung hoặc theo thời gian thông nhất giữa các CSĐT.

2. Công tác tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy định học vụ của CSĐT, Quy chế đào tạo đại học của ĐHQG-HCM và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trong thời gian học song ngành, sinh viên phải luôn đảm bảo khối lượng học tập của chương trình đào tạo ngành thứ nhất theo quy định, không xếp loại học lực từ trung bình trở xuống, không nằm trong diện bị cảnh báo học vụ hoặc đình chỉ của một trong hai chương trình đào tạo. Sinh viên không duy trì được điều kiện này phải dừng học chương trình đào tạo ngành thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học song ngành là thời gian tối đa quy định cho chương trình đào tạo ngành thứ nhất.

## **Điều 9. Công tác tài chính**

1. Học phí được xác định từ tổng học phí các môn học của chương trình đào tạo ngành thứ nhất và học phí các môn học của chương trình đào tạo ngành thứ hai mà sinh viên đăng ký học.
2. Các môn học của chương trình đào tạo ngành thứ nhất (bao gồm các tín chỉ trùng nhau hoặc được công nhận tương đương giữa hai chương trình đào tạo) được áp dụng mức học phí của CSĐT quản lý chương trình đào tạo ngành thứ nhất.
3. Các môn học của chương trình đào tạo ngành thứ hai (không tính các tín chỉ trùng nhau hoặc được công nhận tương đương giữa hai chương trình) được áp dụng mức học phí của CSĐT quản lý chương trình đào tạo ngành thứ hai.
4. Sinh viên không được tham gia chính sách học bổng (các loại) và miễn giảm học phí đối với chương trình đào tạo ngành thứ hai.

## **Điều 10. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng**

1. Trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo đã quy định tại Điều 8, điều kiện tiên quyết để xét tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành thứ hai là sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành thứ nhất.
2. Việc cấp bằng tốt nghiệp thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và Quy chế văn bằng chứng chỉ hiện hành của ĐHQG-HCM.

## **Chương V CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LUU TRỮ**

### **Điều 11. Chế độ báo cáo**

1. Hàng năm thủ trưởng CSĐT báo cáo về công tác đào tạo song ngành và các báo cáo khác liên quan do ĐHQG-HCM yêu cầu.
2. Thủ trưởng CSĐT chịu trách nhiệm về thời gian báo cáo, tính chính xác và chất lượng của báo cáo.

### **Điều 12. Lưu trữ**

1. Hồ sơ liên quan đến công tác đào tạo song ngành của CSĐT phải được bảo quản an toàn trong kho lưu trữ.
2. Thủ trưởng CSĐT có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc bảo quản tài liệu lưu trữ theo các quy định hiện hành.

## **Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm của các CSĐT**

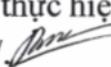
1. Ban hành quy định chi tiết về đào tạo song ngành áp dụng tại CSĐT với các điều kiện không thấp hơn Quy định này, đảm bảo tuân thủ theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của ĐHQG-HCM.

2. Các CSĐT phối hợp xây dựng hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành và gửi về ĐHQG-HCM trước tháng 6 hàng năm.
3. Đảm bảo tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành.
4. Công bố công khai hồ sơ đào tạo song ngành và quy định học vụ trên trang thông tin điện tử của CSĐT.
5. Phối hợp triển khai và tổ chức quản lý quá trình đào tạo theo hồ sơ đào tạo song ngành đã được ĐHQG-HCM phê duyệt.
6. Tổ chức công tác tự thanh tra, kiểm tra nội bộ về công tác đào tạo song ngành của CSĐT, báo cáo ĐHQG-HCM.
7. Chịu trách nhiệm về các điều kiện bảo đảm chất lượng và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ theo quy định.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của ĐHQG-HCM**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn CSĐT thực hiện xây dựng hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành theo Quy định này.
2. Thành lập Hội đồng thẩm định, xem xét và cho ý kiến chỉ đạo về hồ sơ đăng ký đào tạo song ngành giữa các CSĐT.
3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý các sai phạm nếu CSĐT vi phạm Quy định này và các quy định hiện hành.

#### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện, Quy định này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./. 

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



## Phụ lục I

### TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO SONG NGÀNH

(Kèm theo Quyết định số ...../ĐHQG-DH ngày ..... tháng ..... năm 2019 của ĐHQG-HCM  
về việc ban hành quy định đào tạo song ngành)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
Tên CSĐT.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm

### TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO SONG NGÀNH

Kính gửi: .....

#### 1. Sự cần thiết của hồ sơ đào tạo song ngành

- Lý do đăng ký đào tạo song ngành.
- Trình bày kết quả các nghiên cứu khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của các ngành đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ.
- Trình bày kết quả của các hội thảo do CSĐT tổ chức hoặc các Hội thảo do các đơn vị khác tổ chức mà CSĐT có tham gia báo cáo về chương trình hoặc bảng tổng hợp kết quả khảo sát, lấy ý kiến cho chương trình đào tạo song ngành.
- Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

#### 2. Thực tế triển khai tại Việt Nam hoặc trên thế giới

##### a) Tình hình đào tạo ở Việt Nam

- Đánh giá chung về tình hình đào tạo của các ngành tại một số CSĐT ở Việt Nam.
- Thống kê một số chương trình đào tạo song ngành của các CSĐT ở Việt Nam.

Sđt	CSĐT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Ghi chú

##### b) Tình hình đào tạo trên thế giới

- Đánh giá chung về tình hình đào tạo của các ngành trên thế giới.
- Thống kê một số chương trình đào tạo song ngành tại các CSĐT nước ngoài.

Sđt	Tên nước	CSĐT	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ website

### **3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo song ngành**

- Ghi rõ tên chương trình/ngành, mã ngành đào tạo
- Tóm tắt về cấu trúc về các chương trình đào tạo song ngành: Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ), thời gian đào tạo.

TT	Chương trình	Ngành thứ nhất	Song ngành cùng khối ngành	Song ngành khác khối ngành

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo song ngành trong 5 năm đầu
- Tóm tắt về cách thức triển khai đào tạo song ngành.

### **4. Kết luận và đề nghị**

- Các CSĐT cần khẳng định việc đầu tư để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với hồ sơ đào tạo song ngành.
- Đề nghị: ...

*Nơi nhận:*

- 
- 
- Lưu: ....

**HIỆU TRƯỞNG**

*(ký và ghi rõ họ tên)*

## Phụ lục II

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số ...../ĐHQG-DH ngày ..... tháng ..... năm 2019 của ĐHQG-HCM  
về việc ban hành quy định đào tạo song ngành)

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

#### 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo song ngành

- Ngành/chương trình đào tạo 1: .....; Mã ngành đào tạo: .....
  - + Tiếng Việt: .....Tiếng Anh: .....
  - + Cơ sở đào tạo cấp bằng: .....
  - + Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
    - Tiếng Việt: Cử nhân/Kỹ sư/Kiến trúc sư/Bác sĩ/Dược sĩ .....
    - Tiếng Anh: .....
- Loại hình đào tạo: .....
- Thời gian đào tạo: .....

#### 2. Mục tiêu đào tạo

- a. Mục tiêu chung (xác định mục tiêu của CTĐT về: năng lực kiến thức, năng lực thực hành nghề nghiệp của người tốt nghiệp, ...)
- b. Mục tiêu cụ thể (cụ thể hóa từ mục tiêu chung)

#### 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể)

Số thứ tự	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1		
1.1.1		
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1		
2.1.1		
3.	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1		
3.1.1		
4.	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1		
4.1.1		

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

#### 4. Thông tin tuyển sinh đào tạo song ngành

- a. Đối tượng tuyển sinh
- b. Hình thức tuyển sinh
- c. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)

#### 6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Theo chủ trương đào tạo song ngành, **khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức bổ trợ, thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp** được xem xét công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

TT	Các khối kiến thức	Chương trình đào tạo ngành <b>thứ nhất</b>	Chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)				Công nhận chuyển đổi (*)	
			Cùng khối ngành		Khác khối ngành			
			STC	%	STC	%		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương							
II	Khối kiến thức cơ sở ngành							
III	Kiến thức chuyên ngành							
IV	Kiến thức bổ trợ							
V	Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp							
	Tổng cộng							

(\*): đánh dấu X nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

#### 7. Nội dung chương trình đào tạo

##### 7.1 Nội dung chương trình đào tạo ngành thứ nhất (CTĐT 1)

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Công nhận chuyển đổi (*)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
I		<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>						

		Lý luận chính trị					
		Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật					
		Ngoại ngữ					
		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường					
		Kinh tế - Quản lý					
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>						
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp</b>						
	<b>Tổng số (tín chỉ)</b>						

(\*): đánh dấu X nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

## 7.2 Nội dung chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)

**7.2.1 Nội dung CTĐT 2\_1** (nội dung CTĐT1 khi đào tạo song ngành với các ngành cùng khối ngành với CTĐT1)

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ		
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>						
		Lý luận chính trị					
		Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật					
		Ngoại ngữ					
		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường					
		Kinh tế - Quản lý					
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>						
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>						
<b>V</b>	<b>Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp</b>						
	<b>Tổng số (tín chỉ)</b>						

**7.2.2 Nội dung CTĐT 2\_2** (nội dung CTĐT1 khi đào tạo song ngành với các ngành không thuộc cùng **khối ngành** với CTĐT1)

Stt	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ		
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm

<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>				
	Lý luận chính trị				
	Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật				
	Ngoại ngữ				
	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường				
	Kinh tế - Quản lý				
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>				
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>				
<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>				
<b>V</b>	<b>Thực tập, khóa luận/luận văn tốt nghiệp</b>				
	<b>Tổng số (tín chỉ)</b>				

### 8. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tín chỉ			Thuộc chương trình song ngành (**)	
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	CTĐT 2_1	CTĐT 2_2
<b>I</b> <b>(tổng STC)</b>									
		<b>Tổng</b>							

(\*\*): đánh dấu X đối với chương trình song ngành tương ứng

### 9. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

Học kỳ	Tên môn học	Chuẩn đầu ra					
		2.1		3.1		4.1	
		2.1.1	...	3.1.1	...	4.1.1	...
I.							
II.							

### 10. Mô tả ngắn tắt nội dung và khối lượng các môn học

- Tên môn học (tiếng Việt, tiếng Anh)

- Số tín chỉ: (ghi rõ số tín chỉ lý thuyết và thực hành)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: (để học được môn học này người học phải hoàn thành các môn nào?)
- Mô tả nội dung môn học: Nêu tóm tắt nội dung môn học, mục tiêu môn học đề ra

**11. Công tác tài chính** (*nguyên tắc tài chính và mức học phí của các khối kiến thức*)

**12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

**13. Cơ chế đảm bảo chất lượng**

**HIỆU TRƯỞNG**  
*(ký và ghi rõ họ tên)*